

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

*V/v: Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Ngọc Chuyên.

2. Bà Đinh Thị Toại.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Tình – thư ký
Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
toà:** Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Hữu T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/10/2021 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Tôi và anh Huỳnh Hữu T qua quá trình tìm hiểu đã tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2019, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và chúng tôi đã đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/6/2019. Quá trình chung sống kể từ khi cưới nhau đến cuối năm 2019 thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2020 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, xúc phạm nhau, cuộc sống giữa vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do tôi và anh T chưa thật sự hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra bất đồng về nhiều vấn đề, mỗi lần vợ chồng cãi nhau anh T thường đập phá đồ đạc trong nhà thậm chí đánh đập, xúc phạm tôi nhiều lần. Tôi đã cố gắng nhẫn nhịn, khuyên bảo nhưng anh T vẫn không chịu thay đổi và vẫn thường xuyên đánh đập, xúc phạm tôi. Tháng 8/2021 vợ chồng xảy ra xung đột gay gắt nên tôi đã phải bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay tôi thấy mình không còn tình cảm gì với anh T nữa, cuộc sống chung

của vợ chồng thật sự không có hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Huỳnh Hữu T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Huỳnh Hữu T, sinh ngày 22/8/2020. Khi tôi đi khỏi nhà thì anh T giữ cháu lại nuôi, không cho tôi đưa cháu theo. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi là muốn được nuôi dưỡng con vì hiện nay cháu còn nhỏ nên cần tình yêu thương và chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Tôi không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Huỳnh Hữu T trình bày: Tôi công nhận những lời trình bày của cô M về quá trình hôn nhân giữa chúng tôi là đúng sự thật. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2020 giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, xúc phạm nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do quan điểm và lối sống của tôi và cô M trái ngược nhau nên giữa vợ chồng thường hay xảy ra cãi cọ, xung đột với nhau. Bản thân cô M là phụ nữ nhưng việc chăm lo cho gia đình không được chu đáo, cẩn thận. Mỗi khi tôi góp ý thì cô không nghe mà thường bỏ về nhà cha mẹ để ở. Nay cô M xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý vì tôi thấy không còn tình cảm gì với cô M nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 01 con chung là Huỳnh Hữu T, sinh ngày 22/8/2020 hiện đang ở với tôi. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T vì kể từ khi cô M bỏ nhà đi cách đây hai tháng đã để lại con cho tôi nuôi và không quan tâm, chăm sóc gì đến cháu. Tôi cam đoan sẽ nuôi dạy con đầy đủ về mọi mặt và không yêu cầu cô M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M
- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M với anh Huỳnh Hữu T.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Hữu T, sinh ngày 22/8/2020 cho anh Huỳnh Hữu T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự và quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Hữu T và yêu cầu giải quyết việc tranh chấp nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T có địa chỉ nơi cư trú tại tổ dân phố P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Hữu T kết hôn với nhau vào năm 2019, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/6/2019 do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau và anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau kể từ tháng 08/2021. Chính vì vậy, chị M đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T cũng có nguyện vọng được ly hôn với chị M vì anh cho rằng giữa anh chị đã không còn tình cảm gì với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị M với anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh chị chưa thực sự hiểu, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Đây cũng là lý do làm cho cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và không thể hàn gắn được. Thực tế thì anh chị cũng đã ly thân, không sống cùng nhau từ tháng 08/2021 đến nay.

Việc mâu thuẫn của anh T và chị M dẫn đến việc chị M xin ly hôn là phù hợp với kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn tại chính quyền địa phương.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M với anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả chị M và anh T đều thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận sự thỏa thuận đó của anh chị.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Hữu T có một con chung là cháu Huỳnh Hữu T, sinh ngày 22/8/2020. Hiện nay cháu T đang do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu T mà theo chị lý do là cháu còn nhỏ nên cần tình yêu

thương và chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; anh T cũng có nguyện vọng xin được nuôi con vì theo anh kể từ khi chị M bỏ nhà đi đã để lại con cho anh nuôi và không quan tâm, chăm sóc gì đến cháu, anh cam đoan sẽ nuôi dạy con đầy đủ về mọi mặt.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị M và anh T, thấy rằng: Cha, mẹ đều có quyền bình đẳng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc giao con cho ai nuôi thì phải căn cứ vào khả năng và trách nhiệm của người đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Bản thân cháu T còn nhỏ nên cháu cần tình yêu thương và sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Tuy nhiên, kể từ khi chị M đi khỏi nhà thì anh T là người nuôi dưỡng cháu T và việc nuôi dưỡng đó theo chị M và anh T thì đảm bảo được sự phát triển bình thường của cháu. Tại phiên tòa, cả chị M và anh T đều khẳng định điều kiện nuôi dưỡng con của anh T tốt hơn chị M vì anh T có nhà riêng, thu nhập tương đối cao và ổn định trong khi chị M phải ở nhờ nhà cha mẹ, thu nhập chủ yếu là từ làm bánh sinh nhật và bán hàng ăn uống online nên không ổn định bằng anh T. Chị M và anh T cũng nhất trí là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xem ai là người có điều kiện tốt hơn thì cháu T cho người đó được nuôi dưỡng. Do đó, mặc dù cháu T đang còn ở độ tuổi dưới 36 tháng nhưng xem xét một cách toàn diện thì điều kiện nuôi dưỡng con của anh T hiện tại tốt hơn so với chị M. Chính vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và quyền lợi của cháu T về mọi mặt thì cần chấp nhận nguyện vọng của anh T và giao cho anh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con, anh cam đoan sẽ đảm bảo chăm sóc đầy đủ cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Xét đây là sự tự nguyện của anh nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc chị M phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 235, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M
- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Hữu T.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Hữu T, sinh ngày 22/8/2020 cho anh Huỳnh Hữu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004261 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND TT. K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

